
THE SYMBOLIC MEANING OF MASCOTS FROM THE RESEARCH ON IDIOMS

Hoang Thi Thanh Binh

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: hoangthanhbinh@dvttdt.edu.vn

Received: 20/10/2023

Reviewed: 23/10/2023

Revised: 27/10/2023

Accepted: 21/11/2023

Released: 25/11/2023

Surveying the symbolic meanings of some mascots from the research on idioms was resulted from interdisciplinary research between linguistics and cultural studies. Through a survey of Vietnamese idioms referring to mascots, the paper analyzes the two-way relationship of semantics and frequency corresponding to psychology, concepts and behavior in cultural life of Vietnamese people. Here, mascots were resulted from the interaction between cultural elements in social life.

Keywords: Vietnamese idioms; Symbolic meaning; Mascot.

1. Giới thiệu

Thành ngữ là những cụm từ cố định, có hình thái cấu trúc bền vững, có tính bóng bẩy về ý nghĩa và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp. Trong văn hóa Việt Nam, thành ngữ được xem là kho báu ngôn từ, lưu giữ những “trăm tích văn hóa”. Việc sử dụng thành ngữ trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày của người Việt có thể nói với tần suất cao bởi đặc điểm người Việt có lối tư duy “tổng hợp - biện chứng” nặng về kinh nghiệm chủ quan cảm tính. Người Việt tích lũy được một kho kinh nghiệm hết sức phong phú trong ứng xử với tự nhiên, xã hội và truyền lại cho các thế hệ sau qua thành ngữ, tục ngữ,...

Trong cuốn “Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam” [1] được chúng tôi lấy làm đối tượng khảo sát, số lượng các thành ngữ đề cập đến các linh vật mà trong tín ngưỡng Việt xem là các biểu tượng triết học và được tôn thờ, chạm khắc dày đặc trong các lăng tẩm, đền miếu với số lượng lớn. Trong bài viết này, chúng tôi không có tham vọng khảo sát toàn bộ loài vật mà chỉ tập trung khảo sát ý nghĩa biểu trưng của một số linh vật từ hướng tiếp cận của thành ngữ Việt, được dùng như công cụ ngôn ngữ trong giao tiếp, ứng xử hàng ngày dưới góc nhìn văn hóa học. Đối tượng bàn chủ yếu bao gồm: rồng (long), ly (kỳ lân, lân), quy (rùa), phượng (phụng, loan), hổ (hùm, cọp, beo), voi (tượng), rắn (xà), chó (cẩu).

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Việt Nam có một kho tàng ca dao, tục ngữ, thành ngữ phong phú. Các thành ngữ và tục ngữ phản ánh mọi khía cạnh của đời sống con người từ những vấn đề về tình cảm, tình yêu, về lao động, sản xuất trong cuộc sống con người đến tính cách, đặc trưng của con vật, loài vật. Trong bài viết này, tác giả xin điểm luận các công trình nghiên cứu về thành ngữ có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Tác giả Vi Trường Phúc (2013) trong “Nghiên cứu thành ngữ chỉ tâm lý tình cảm trong tiếng Hán từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận (có liên hệ với tiếng Việt)” thông qua việc tìm hiểu: cấu trúc ngữ pháp, phương thức cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa... của thành ngữ để rồi từ đó xây dựng và xếp chúng vào các miền ý niệm tình cảm vui, buồn, tức, sợ. [10]

Trong bài viết “Các con vật và một số đặc trưng của chúng được cảm nhận từ góc độ dân gian và khai thác để đưa vào kho tàng thành ngữ tiếng Việt” (1995) của tác giả Phan Văn Quế đã cho rằng: “Các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và các con vật là một bộ phận của thế giới khách quan, chúng được con người cảm nhận, khai thác để định danh (ở cấp độ từ và thành ngữ) và phục vụ cho những diễn đạt khác (ở các cấp độ tổ chức thông báo lớn hơn)”. [2, tr 65]

Tác giả Đỗ Thị Thu Hương với công trình “Thế giới động vật trong thành ngữ tiếng Việt” viết năm 2017, đã nghiên cứu và thống kê ra được 95 loài động vật có trong thành ngữ tiếng Việt. Tác giả đã cho độc giả thấy rằng hình ảnh của các loài động vật trong thành ngữ tiếng Việt rất phong phú và đa dạng. [3, tr 65]

Bên cạnh đó, bài viết: “Biểu trưng ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt (trên cứ liệu thành ngữ có yếu tố chỉ tên gọi động vật)” của tác giả Trịnh Cẩm Lan (2009) thông qua giá trị biểu trưng trong những hình ảnh, thuộc tính... của các loài vật như: chó, chim, cá, hổ, voi... để thể hiện sự đánh giá về con người. [4, tr 28]

Tác giả Trịnh Cẩm Lan tiến hành nghiên cứu “Đặc điểm cấu trúc ngữ nghĩa và những giá trị biểu trưng của thành ngữ tiếng Việt trên cứ liệu thành ngữ có thành tố cấu tạo là tên gọi động vật” (1995) đã tiến hành phân tích các thành ngữ chỉ động vật nhưng trong công trình này tác giả chưa miêu tả và phân biệt cụ thể các nghĩa của thành ngữ chỉ động vật.

Liên Linh Chuyên trong công trình “Sự khác nhau về nội hàm văn hóa của hai từ Ròng và Chó trong ngôn ngữ Việt - Hán - Anh” (2014) đã đưa ra nhận định: “Động vật là một phần của giới tự nhiên, có liên quan mật thiết đến đời sống con người. Từ ngôn ngữ của các dân tộc trên thế giới cho thấy phần lớn các thành ngữ, ca dao tục ngữ... thường dùng hình ảnh con vật để thể hiện hàm ý muốn nói. Qua đó phản ánh sự khác biệt về nhận thức của mỗi dân tộc đối với các loài vật cũng như thể hiện rõ nền văn hóa phong phú khác nhau của mỗi quốc gia. Chính vì vậy, từ ngữ về động vật trong mỗi ngôn ngữ đều mang nét văn hóa riêng”. [5, tr 52]

Việc sử dụng thành tố chỉ động vật thể hiện nét tâm lý - văn hóa độc đáo của người dân lao động tạo nên sự dị biệt riêng trong cách thể hiện của thành ngữ trước sự đánh giá các sự vật, sự việc thuộc hiện thực khách quan. Mặc dù đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về thành ngữ chỉ loài vật, nhưng việc khảo sát ý nghĩa biểu trưng của một số linh vật từ hướng tiếp cận của thành ngữ Việt thì chưa có công trình nào nghiên cứu, tác giả nhận thấy đây là một vấn đề lý thú có thể nghiên cứu và đưa lại những kết quả mới.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để khảo sát ý nghĩa biểu trưng của một số linh vật từ hướng tiếp cận của thành ngữ Việt, tác giả vận dụng các lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận ứng dụng vào những phạm trù khác nhau được thể hiện qua thành ngữ. Đồng thời không thể không vận dụng cách tiếp cận văn hóa để thấy được dấu ấn văn hóa trong các thành ngữ miêu tả về linh vật.

Với cách tiếp cận ngôn ngữ và văn hóa như vậy, tác giả đã tập trung sử dụng các phương pháp sau đây:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tác giả đọc, phân tích và sắp xếp các tài liệu có liên quan về các thành ngữ miêu tả linh vật.

Phương pháp thống kê: tác giả thống kê những thành ngữ có chứa “linh vật” trong tiếng Việt.

Phương pháp phân tích so sánh: thông qua việc phân tích so sánh để thấy được các đặc tính của một số linh vật theo quan niệm của người Việt.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Linh vật trong quan niệm của người Việt xưa

Linh vật là những con vật biểu tượng của sự linh ứng và chúng có những hình tượng, ý nghĩa khác nhau tùy thuộc quan niệm tư tưởng, thẩm mỹ, tình cảm của mỗi dân tộc hay nền văn hóa. Với một nền văn hóa loại hình nông nghiệp lúa nước điển hình như Việt Nam, xử lý mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và xã hội, ý thức tôn trọng và ước vọng sống hòa hợp với thiên nhiên là những đặc tính căn bản. Chính vì vậy, trong tâm thức Việt, linh vật được xem là hình ảnh biểu trưng cho sức mạnh có yếu tố tự nhiên, thiêng liêng và đầy quyền lực. Đồng thời lại vừa gần gũi, thân thuộc và đôi khi lại được “nhân cách hóa” một cách sinh động như tâm lý, tính cách và tình cảm của con người.

Đứng đầu trong các linh thú được người Việt tôn vinh là “tứ linh”, gồm: *long* (rồng) - *lân* (kỳ lân) - *quy* (rùa) - *phượng* (chim phượng). Trong ý thức của người Việt, rồng được coi là vật tổ của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Truyền thuyết cổ đại Việt Nam vẫn tự coi mình là “con rồng cháu tiên” (quốc tổ người Việt là Rồng - Lạc Long Quân), và thậm chí vua Trần Nhân Tông, năm 1299 còn dặn con mình xăm trổ hình rồng, thích hình rồng vào đùi để chứng tỏ không quên nguồn cội. Như vậy, con rồng là biểu tượng cho sự cao quý và linh thiêng. Sử cũ ghi: Vào thời Lý đã có nhiều lần rồng vàng xuất hiện, báo hiệu điềm lành, sự phồn thịnh của đất nước. Ngoài ra, chúng còn có mặt trên các hiện vật phần lớn là các chùa của triều đình xây dựng như chùa Dạm, Phật Tích, Long Đọi, Chương Sơn,... Ở những nơi đây rồng thường được chọn để trang trí trên các vị trí trang trọng nhất như trên bệ tượng Phật, trên các cửa tháp thờ Phật, trên các trán và diềm bia đá, trên các cánh hoa sen, trên các trụ đá. Hình rồng trong lá đề thời Lý hay thềm bậc rồng ở điện Lam Kinh, điện Kính Thiên ở thành Thăng Long, đôi rồng đá ở Thành Nhà Hồ được xem là những biểu tượng văn hóa độc đáo của dân tộc.

Chim phượng với đặc tính lông vũ, nhẹ nhàng, uyển chuyển được gán cho tầng trời, gắn với quý tộc và sự thanh cao. Đây là lý do nó được đồng nhất với vẻ đẹp kiều sa, đài các “mắt phượng, mày ngài”. Hình tượng chim phượng đi vào trang trí nghệ thuật, tượng trưng riêng cho hoàng hậu và nữ giới quý tộc nói chung. Biểu tượng chim phượng trên thành bậc chùa Bà Tấm, bia đá chùa Tổng (Hưng Yên) thế kỷ thứ XI cũng như hình phượng trên bia đá

chùa Thiệu Long, hình phượng đang bay chở các nhạc công thiên thần ở chùa Thái Lạc (Hưng Yên) hoặc đôi phượng ngậm hoa đang bay châu mặt trời ở chùa Bối Khê (Hà Tây) là những biểu tượng văn hóa sinh động, uyển chuyển của người Việt.

Lân hoặc các con vật linh tương tự như sư tử, nghê, sấu, ly và long mã, tạo dáng chúng có nhiều nét tương đồng về các chi tiết cường điệu trở nên dữ tợn như móng vuốt, mắt, miệng, bờm và đuôi. Con sấu thường chạm ở thành bậc các chùa như Hương Lăng, chùa Đậu, chùa Dâu. Khi ở trên mái như chùa Bối Khê lân biến dạng thành con nghê với biểu tượng của nguồn nước, của sức mạnh và trí tuệ sáng láng...

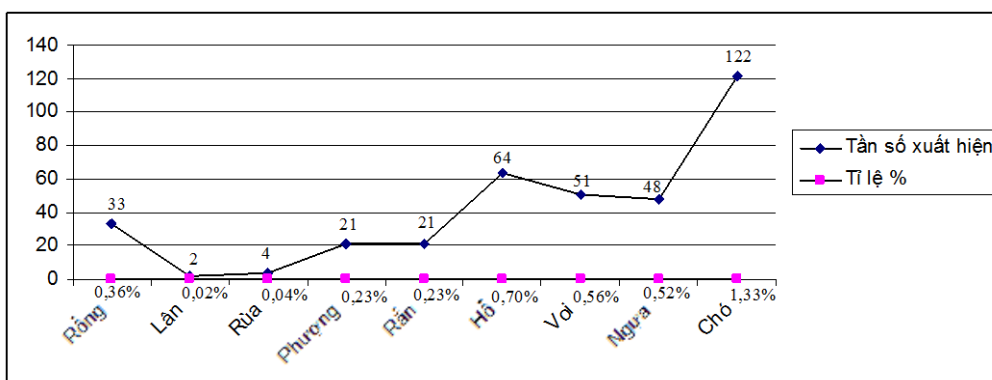
Ở Việt Nam những quan niệm về rùa là vật linh thiêng cũng đã có từ lâu đời. Rùa vàng giúp An Dương Vương xây Cổ Loa thành. Rùa vàng cho Lê Lợi mượn gươm thần... Rùa được coi là vật linh thiêng vì nó có thể báo điềm trước. Sử cũ cũng ghi lại rất nhiều lần các vua Lý được quần thần dâng rùa mắt có 6 con người hoặc mai có chữ triệu báo điềm lành. Rùa tượng trưng cho sự bền vững lâu dài nên trên các bia đá được tạc tượng rùa làm đế. Cùng với cá, rùa là đề tài được chọn để trang trí lên các phù ấn của triều đình nhà Trần dùng để ban tặng các võ tướng, đánh dấu công lao của họ trong chiến trận. Trong di tích Việt, hình ảnh rùa đội bia ký, rùa đội hạc đã trở nên thân thuộc với ý nghĩa sự trường tồn vĩnh cửu. Theo GS. Trần Lâm Biền “linh vật còn được gọi là những con vật “vũ trụ”, được người đời gán cho chúng những khả năng siêu phàm có thể chi phối đến cuộc sống nhân thế ở những mức độ khác nhau” [6, tr 137].

Ngoài “tứ linh”, các linh vật khác như voi, hổ, ngựa, rắn, chó... cũng xuất hiện trong văn hóa và di tích Việt. Với đặc tính thực dụng của các giống loài được thuần dưỡng như (chó, ngựa), tượng trưng cho sức mạnh “trần tục tự nhiên” như hổ, voi, rắn... chúng được quan niệm như những công cụ hữu ích phục vụ chiến tranh và coi sóc mộ phần. Đây là lý do giải thích sự xuất hiện nhiều voi, ngựa, hổ, chó trong các lăng tẩm, đền miếu ở Việt Nam.

4.2. Đánh giá tần số xuất hiện các linh vật trong thành ngữ Việt

Qua khảo sát 9.169 câu thành ngữ trong cuốn “Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam” [1] chúng tôi thu được kết quả như sau:

Biểu đồ thể hiện tần số xuất hiện các thành ngữ chỉ linh vật



Từ số liệu trên chúng ta thấy tỉ lệ thành ngữ nhắc đến chó chiếm số lượng nhiều nhất 1,33%, hổ chiếm 0,70%, ngựa và voi có số lượng tương đối gần nhau 0,52% là ngựa và 0,56% là voi. Rồng, phượng, rắn có tỉ lệ xuất hiện tương đương (0,36% rồng, 0,23% phượng, 0,23% rắn). Còn lại là rùa có tần số xuất hiện 0,04%, lân có tần số xuất hiện 0,02%.

Bảng số liệu trên cho chúng ta rút ra một số nhận định về quan niệm của người Việt trong việc thờ các thú linh qua đối chiếu với các thành ngữ chỉ linh vật. Chúng tôi chia các thành ngữ chỉ linh vật thành 4 nhóm:

- **Nhóm 1**, là các con rồng, phượng, rắn: Đây là các con vật gắn liền với biểu tượng tối cao mà chỉ vua chúa mới được dùng hoặc được coi là thần linh (rắn) biểu tượng cho nước và mùa màng gắn liền với cư dân nông nghiệp lúa nước. Chính vì thế, tần số xuất hiện của chúng trong đời sống sinh hoạt của người dân không nhiều.

- **Nhóm 2**, là hổ: Hổ còn được gọi là Chúa sơn lâm, có sức mạnh, to khỏe, nhanh nhẹn, biểu tượng cho sức mạnh của loài thú săn mồi chuyên về làng quấy nhiễu người dân, bắt các con vật nuôi nên hổ được người dân thần thánh hóa thờ làm Thần hổ với ước nguyện Thần là sức mạnh của muôn loài, cầu thần phù hộ cho nhân dân được sống yên lành. Hổ còn là biểu tượng cho sức mạnh vương quyền, trong quân sự, võ học và cho những thành đạt trong khoa cử, chính vì vậy mà hình ảnh con hổ xuất hiện khá phổ biến trong cung cấm, doanh trại và trong các trường thi thời phong kiến. Vì những quan niệm như trên, trong thành ngữ hổ chiếm tỉ lệ trung gian giữa các con vật gần gũi với người dân và những con vật là biểu tượng tối cao của thần linh, vua chúa.

- **Nhóm 3**, là voi, ngựa: Đây là những con vật hoang dã từ xưa đã được người dân thuần dưỡng làm vật nuôi, đầu tiên là phục vụ cho việc vận chuyển thò hàng, đi lại sau đó với sức mạnh và sự nhanh nhẹn, thông minh chúng được sử dụng trong chiến tranh cùng với các võ tướng xung trận. Và đó là lý do chúng đã được đưa vào các lăng tẩm, đình, đền, nghè, miếu, phủ thờ cúng cùng với các vị tướng lĩnh đã được người dân tôn thờ lập làm Thần hàm ý chúng vẫn là những con vật nô bộc đi theo hầu hạ chủ nhân. Lý giải cho số liệu thống kê của chúng tôi vì sao chúng có tần số xuất hiện tương đồng nhau.

- **Nhóm 4**, là rùa, lân: Trong văn hóa Việt Nam, rùa biểu tượng cho thần thánh, linh thiêng lần đầu tiên xuất hiện trong truyền thuyết dưới thời dựng nước Âu Lạc của An Dương Vương - Thục Phán. Ngoài ra, trong các đình, đền chúng ta cũng hay thấy rùa xuất hiện trên các hiện vật chạm khắc bằng gỗ, đá, miệng ngâm cuốn thư biểu tượng cho học vấn. Trong Quốc Tử Giám - trường học đầu tiên của nền học vấn nước nhà, 82 văn bia tiến sĩ đều được tượng rùa đội trên mai nhằm ca ngợi và thể hiện nền học vấn trường tồn của nước nhà. Rùa và rồng là hai con vật linh, rồng là con vật không có thật, được xây dựng từ hình ảnh của 9 con vật khác. Ngược lại, rùa là con vật có thật, có tuổi thọ sống lâu nên trong thành ngữ Việt, rùa được ví là con vật khôn ngoan “Khôn ngoan rùa mồi”. Cùng với rồng, phượng, rùa xuất hiện trong trang trí mỹ thuật ở các chốn trang nghiêm với tần số nhiều nhưng trong thành ngữ Việt, rùa chiếm số lượng ít ỏi 0,04%. Chứng minh cho nghiên cứu của chúng tôi về những linh vật được thần thánh hóa, được coi là biểu tượng quyền uy của tầng lớp thống trị thì xuất hiện trong sinh hoạt dân gian là rất khiêm tốn.

Lân (kỳ lân) xuất hiện rất ít 02 phiếu (0,02%) trong thành ngữ chúng tôi khảo sát, nhưng xuất hiện nhiều trong nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc. Phải chăng vì chúng là con vật tưởng tượng, không có tính chất biểu trưng cho quyền uy tuyệt đối của các đấng thiên tử và thần linh

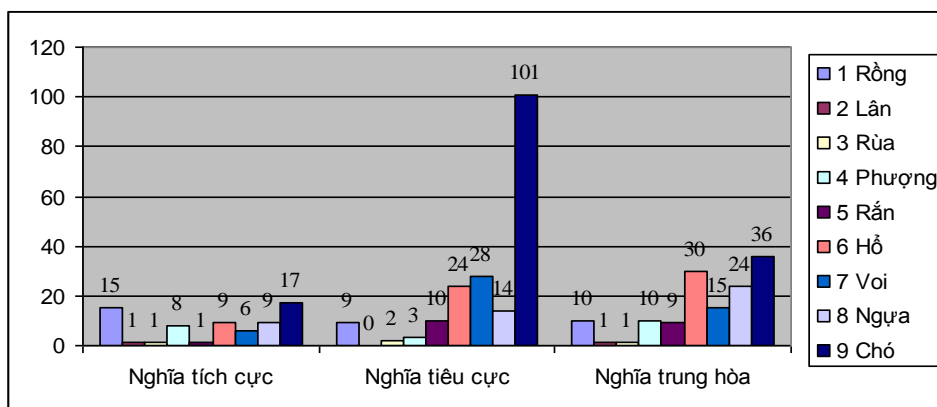
nên với lối tư duy trực quan, thực dụng, nặng về kinh nghiệm chủ quan cảm tính của người Việt thì việc chúng không xuất hiện nhiều trong thành ngữ là điều dễ hiểu (?!).

4.3. Đánh giá mặt ngữ nghĩa các thành ngữ đề cập đến linh vật qua tư duy dân gian

Thành ngữ Việt chủ yếu biểu thị những hiện tượng thuộc đời sống sinh hoạt của con người như: cách sống, phương sách đối nhân xử thế, tính cách, phẩm hạnh của người và vật. Bên cạnh việc biểu thị ý nghĩa hiện tượng thì các thành ngữ cũng kèm theo các sắc thái bình giá cảm xúc nhất định, hoặc là kính trọng tán thành, hoặc là chê bai khinh rẻ. Chúng tôi tạm chia nghĩa của các thành ngữ được khảo sát trong cuốn “Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam” [1] thành nghĩa tích cực (hàm ý ca ngợi, đề cao, ngưỡng mộ, ước vọng), nghĩa tiêu cực (hàm ý chê bai, khinh rẻ) và nghĩa biểu thị sắc thái trung hòa. Ngoài nghĩa đen mà các thành ngữ thể hiện còn có nghĩa chuyển thông qua một số phương thức ẩn dụ, nói quá, so sánh...

Từ cách phân định ngữ nghĩa của thành ngữ như trên, chúng tôi có bảng số liệu về nghĩa các thành ngữ chỉ linh vật như sau:

Biểu đồ thể hiện số liệu về nghĩa các thành ngữ chỉ linh vật



Kết quả nghiên cứu về ngữ nghĩa

- Nhóm “tứ linh”

+ Ngôn ngữ là một thành tố cấu tạo văn hóa, bị chi phối bởi văn hóa. Nghĩa của thành ngữ vì thế cũng bị chi phối bởi văn hóa. Những thành ngữ chỉ về bốn con vật được biểu trưng là “tứ linh” trong văn hóa Việt xuất hiện nhiều hơn ở nét nghĩa tích cực và nghĩa trung hòa. Chúng tôi bắt gặp nhiều thành ngữ nhóm nghĩa tích cực “Có phúc trúc hóa long”, “Dòng dõi tiên rồng”, “Gác phượng đài lân”, “Khôn ngoan rùa mốc”,... hay nhóm nghĩa trung hòa “Hiếm như râu rồng”, “Rồng đen lấy nước thì nắng, rồng trắng lấy nước thì mưa”, “Loan phượng hòa minh”,... Đối chiếu với quan niệm về văn hóa thì những con vật được coi là “tứ linh” ngay trong thành ngữ đều hàm ẩn nét nghĩa ca ngợi, đề cao, ngưỡng vọng tượng trưng cho tầng trên, biểu tượng quyền lực, sức mạnh, sự thanh cao, hoàn mỹ và sáng tạo, trường tồn,... Yếu tố tư tưởng và văn hóa đã chi phối đến nghĩa thành ngữ làm cho nó “bất biến”, “bất khả xâm phạm”. Thể hiện rõ nhất trong tư tưởng của đấng thiên tử thời phong kiến những vật dụng của vua dùng đều phải gắn với rồng: long bào, long sàng, long ngai,...

+ Ở nghĩa trung hòa, các con vật này thường có nét nghĩa thể hiện kinh nghiệm sống của người Việt được đúc rút từ trong lao động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày, lời ăn tiếng nói, ứng xử “Cây tháng 6 máu rồng”, “Trong lung chẳng có một đồng, lời nói như rồng cũng

chẳng ai nghe”, “Loan phượng hòa minh”, “Quạ già 100 tuổi không bằng phượng hoàng mới sinh”, “Rùa dùng cân, trạch dùng lượng”,...

+ Nét nghĩa tiêu cực thường ví những người tài giỏi nhưng bị thất thế kiểu “Rồng lội ao tù”, “Rồng thất thế hóa thành rắn”, đôi khi cũng gặp phương thức so sánh kiểu về đầu khen, về sau chê “Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa”,...

- Nhóm linh vật được tôn làm Thần

+ Rắn, hổ trên bảng số liệu chúng ta thấy nghĩa tiêu cực và nghĩa trung hòa chiếm số lượng nhiều nhất. Đây là những con vật có bản tính hung ác, tinh quái, dữ tợn. Với người dân làm nông nghiệp, thích nghi với môi trường tự nhiên để hòa hợp chung sống là điều dễ nhận thấy. Việc cầu thân với con vật có bản tính hung ác tôn làm Thần cốt yếu là mong chúng không quấy nhiễu cuộc sống của họ. Tuy nhiên, trong quan niệm những con vật này thường được đồng nhất với ý thức xa lánh, khinh ghét như “Phật khẩu tâm xà”, “Cống rắn cắn gà nhà”, “Ác như hùm”, “Hùm thiêng nước độc”,... Duy nhất, rắn có một thành ngữ hàm nghĩa tích cực “Rắn khôn giấu đầu”.

+ Trong ba nét nghĩa tích cực, tiêu cực và trung hòa, các thành ngữ bao gồm cả nghĩa đen và nghĩa chuyển thông qua phương thức ẩn dụ, so sánh, nói quá (là các phương thức đối chiếu sự vật này với sự vật khác bằng các từ ngữ giàu hình ảnh, từ ngữ tượng trưng, từ ngữ hàm ý) như: “Đánh rắn bỏ đầu”, “Rắn đến nhà chẳng đánh thì quát”, “Hổ về rừng”, “Gặm như hổ đói” chiếm số lượng nhiều,... Đây là những thành ngữ gắn liền với ngụ ý chê bai trong ứng xử giữa người với người.

- Nhóm linh vật có yếu tố dân gian

+ Các con vật voi, ngựa, chó gắn liền với con người trong đời sống sinh hoạt nên những thói hư, tật xấu của chúng đều được nhận ra “Lung dài như chó liếm cối”, “Chó cạy gân nhà, gà cạy gân chuồng”, “Ngựa quen đường cũ”, “Voi không nài như trai không vợ”,...

+ Đây cũng là nhóm con vật thuộc tầng thấp (người dân) đối lập với tầng cao (những người quyền uy, cao sang) nên thành ngữ chiếm số lượng đông đảo nhất và xuất hiện đầy đủ nhất.

+ Nghĩa tiêu cực của nhóm con vật ngựa, chó chủ yếu chê bai đặc tính, bản chất của chúng lười, bần, hỗn láo “Ngựa non háu đá”, “Mặt ngựa đầu trâu”, “Làm làm như chó ăn vụng bột”, “Chó càn cắn giậu”, “Có độc mới có, có phũ như chó mới giàu”.

+ Nghĩa tích cực của nhóm con vật này là những thành ngữ khen về đặc tính tinh khôn, trung thành, dẻo dai, to khỏe như “Con chẳng chê cha mẹ khó, chó chẳng chê chủ nhà nghèo”, “Dù ai buôn bán trăm nghề, chẳng bằng nuôi chó huyện đề 4 chân”, “Ai muốn đi xa phải dành sức ngựa”, “Thẳng như ruột ngựa”, “Voi chẳng để, để thì to”,...

+ Nghĩa trung hòa là những thành ngữ được đúc rút từ sinh hoạt của người dân qua đặc tính của con vật nuôi gần gũi họ. Những quan sát đó truyền lại thành kinh nghiệm cho mọi người biết để tránh hoặc áp dụng trong sinh hoạt, lao động sản xuất cho có hiệu quả “Quen chó chó mó răng, quen voi chó sờ ngà”, “Gà 3 tháng vừa ăn, ngựa 3 năm vừa cười”. “Lên ngựa phải ra roi, lên voi phải cầm búa”, “Rừng già nhiều voi, rừng còi nhiều cọp”,...

5. Thảo luận

Sau khi khảo sát, phân tích, nhận diện các thành ngữ chỉ con vật và so sánh nội hàm ý nghĩa văn hóa, tác giả đã có những nhận định ban đầu sau:

Ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đây là mối quan hệ hai chiều, ngôn ngữ là sự chuyển tải các giá trị văn hóa, còn văn hóa là nội dung thể hiện của ngôn ngữ. Chính vì vậy, văn hóa như thế nào sẽ được phản chiếu qua ngôn ngữ. Đồng thời qua ngôn ngữ chúng ta thấy được bản sắc văn hóa dân tộc riêng của mỗi quốc gia.

Biểu tượng về động vật có mặt hầu hết trong đời sống con người, từ văn hóa, ngôn ngữ cho đến nghệ thuật, điêu khắc, sân khấu... Thông qua khảo sát, vấn đề tác giả đặt ra để tiếp tục khơi gợi hướng nghiên cứu là cơ sở hay căn cứ vào đâu mà dân gian lại tôn các con vật như rồng, rắn, hổ làm thần và rất tôn thờ. Còn các con vật như voi, ngựa, chó lại gắn liền và đại diện cho người bình dân?

Để lý giải vấn đề này, ta có thể thấy, tên gọi động vật có ý nghĩa văn hoá nhất định. Các con vật với tên gọi của nó đã đi vào đời sống ngôn ngữ một cách tự nhiên. Thế giới động vật gắn bó, gần gũi với con người từ thuở khai thiên lập địa và mỗi tên gọi động vật thường có một sự liên tưởng nào đó, gắn liền với những thuộc tính, đặc điểm của con vật đó. Quá trình liên tưởng thường dẫn đến nghĩa bóng, nghĩa chuyển, thông qua một số phương thức như ẩn dụ, hoán dụ. Đây cũng là quá trình hình thành nghĩa biểu trưng từ tên gọi của một số động vật. Chính vì vậy mà khi khảo sát đặc tính các linh vật tác giả chia thành 3 nhóm với cách luận giải trong phần nội dung nghiên cứu.

6. Kết luận

Qua khảo sát thành ngữ chỉ các linh vật gắn liền với biểu tượng tín ngưỡng trong quan niệm của người Việt, chúng tôi nhận thấy tần số xuất hiện các thành ngữ chỉ linh vật là “tứ linh” không nhiều và có tỉ lệ thuận với tỉ lệ kết quả nghiên cứu về mặt ngữ nghĩa ở nét nghĩa tích cực trong thành ngữ.

Trong 3 nhóm linh vật phân theo kết quả nghiên cứu ngữ nghĩa thì nét nghĩa trung hòa chủ yếu phản ánh kinh nghiệm được đúc rút từ cuộc sống của người dân đối với mỗi linh vật qua bản tính và nghĩa biểu trưng của chúng phần nhiều là do sự chi phối nhiều mặt của các thành tố văn hóa.

Khảo sát ý nghĩa biểu trưng của một số linh vật từ hướng tiếp cận của thành ngữ Việt dưới góc nhìn văn hóa là hướng nghiên cứu mới được chúng tôi dày công khảo sát và tạm đưa ra một số nhận định chủ quan bước đầu nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc ngôn ngữ là một bộ phận cấu thành nên thành tố văn hóa. Bài viết với tư cách là một gợi mở ban đầu với hy vọng mở ra những hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm có cái nhìn khách quan, hệ thống để bổ sung cho các nghiên cứu ngôn ngữ học, văn hóa học có liên quan đến chủ đề “linh vật” được thúc đẩy trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Bích Hằng (sưu tầm - biên soạn) (2005), *Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2]. Phan Văn Quế (1995), *Các con vật và một số đặc trưng của chúng được cảm nhận từ góc độ dân gian và khai thác để đưa vào kho tàng thành ngữ tiếng Việt*.
- [3]. Đỗ Thị Thu Hương (2017), *Thế giới động vật trong thành ngữ tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 10 (264).
- [4]. Trịnh Cẩm Lan (2009), *Biểu trưng ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt (trên cơ sở thành ngữ có yếu tố chỉ tên gọi động vật)*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 5 (163).
- [5]. Liêu Linh Chuyên (2014), *Sự khác nhau về nội hàm văn hóa của hai từ Rồng và Chó trong ngôn ngữ Việt - Hán - Anh*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 6 (224).
- [6]. Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8]. Mai Ngọc Trừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2009), *Cơ sở ngôn ngữ và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [9]. Hải Yến, Minh Anh (2007), *Sổ tay từ ngữ tiếng Việt*, tập 2, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [10]. [https://vnu.edu.vn/30years/?C2099/N15608/luan-an-tien-si-cap-dHQGHN-cho-NCS-Wei-Changfu-\(Vi-Truong-Phuc\).htm](https://vnu.edu.vn/30years/?C2099/N15608/luan-an-tien-si-cap-dHQGHN-cho-NCS-Wei-Changfu-(Vi-Truong-Phuc).htm)

LINH VẬT - Ý NGHĨA BIỂU TRUNG TỪ HƯỚNG TIẾP CẬN CỦA THÀNH NGỮ

Hoàng Thị Thanh Bình

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: hoangthanhbinh@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/10/2023

Ngày phản biện: 23/10/2023

Ngày tác giả sửa: 27/10/2023

Ngày duyệt đăng: 21/11/2023

Ngày phát hành: 25/11/2023

Tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của một số linh vật từ hướng tiếp cận của thành ngữ là một hướng nghiên cứu liên ngành giữa ngôn ngữ và văn hóa học. Thông qua khảo sát các thành ngữ Việt chỉ về các linh vật, bài viết đưa ra những nhận định và lý giải mối quan hệ hai chiều về ngữ nghĩa, tần suất với tâm lý, quan niệm và ứng xử trong đời sống văn hóa của người dân Việt. Nghiên cứu đặt đối tượng như là kết quả của mối tương quan, tác động và chi phối từ các thành tố văn hóa trong đời sống xã hội.

Từ khóa: Thành ngữ Việt; Ý nghĩa biểu trưng; Linh vật.